TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

❋❋❋

Bản án số:187/2019/HSST
Ngày: 20/11/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiểm

* Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Hiếu

2. Ông Trương Công Tráng

* Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông: Ông Nguyễn Tiến Đại - KSV

Mở phiên tòa công khai vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 192/2019/TLST- HS ngày 30/10/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2019/QĐXX – TA ngày 5/11/2019 đối với bị cáo:

LÊ ÁI TH, sinh năm 1971; HKTT và trú tại: Thôn N, xã A, huyện H, H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, đảng phái: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Bố đẻ: Lê Thế Th (đã chết); Mẹ đẻ: Vũ Thị Nam L sinh năm 1941; Chồng: Bùi Hữu T, sinh năm 1963; Có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt
*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Chị Đào Thị Thanh H sinh năm 1971
Trú tại: số … dãy … ngõ … Ng, phường Q, quận H, H.N. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01/2019, qua người quen giới thiệu, Lê Ái Th (là vợ anh Bùi Hữu T đã làm quen và đặt vấn đề vay tiền của chị Trương Thị Thanh H sinh năm 1971, trú tại phường V, quận H, thành phố H. Chị H đồng ý cho Th vay tiền với điều

kiện phải có tài sản bảo đảm cho khoản vay. Do không có tài sản nào để thế chấp cho chị H, Th đã lên mạng internet đặt mua của đối tượng không quen biết 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thửa đất mà gia đình Th đang ở tại thôn N, xã A, huyện H, thành phố H đứng tên chủ sở hữu là anh Bùi Hữu T (gia đình đã thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K để vay số tiền 1,5 tỷ đồng từ năm 2011), với giá 20.000.000 đồng. Đối tượng này yêu cầu Th cung cấp thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật và đặt cọc trước số tiền 3.000.000 đồng, sau khi xong việc sẽ thanh toán nốt số tiền còn lại. Th đã lấy bản chụp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật của gia đình gửi cho đối tượng này qua mạng xã hội Zalo, đồng thời chuyển số tiền 3.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng (Th không nhớ số tài khoản). Khoảng vài ngày sau, đối tượng trên chụp ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả rồi gửi cho Th qua mạng xã hội Zalo để Th kiểm tra và yêu cầu chuyển nốt số tiền còn lại. Sau khi Th chuyển tiền thì nhận được 01 bản giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả qua đường bưu điện. Th đã mang giấy tờ giả này đến gặp chị H để vay tiền. Chị H đồng ý cho Th vay số tiền 800.000.000 đồng, với điều kiện Th phải mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Văn phòng công chứng làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị H.

Khoảng 14 giờ ngày 14/01/2019, Lê Ái Th rủ bạn là chị Đào Thị Thanh H đến Văn phòng công chứng M, có địa chỉ tại số … phố T, phường Q, quận H , thành phố H để làm thủ tục công chứng chuyển nhượng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Tại đây, Th đưa cho anh Nguyễn Văn L, Trưởng Văn phòng công chứng M 01 bộ hồ sơ đề nghị công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chủ sở hữu Bùi Hữu T số BD836451; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Hữu T; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Ái Th; 01 sổ hộ khẩu số 241127185 chủ hộ Nguyễn Thị X; 01 bản sao Giấy trích lục kết hôn số 38/TLKG-BS, yêu cầu công chứng. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, anh L đã soạn thảo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo yêu cầu của Lê Ái Th, yêu cầu Th ký Phiếu yêu cầu công chứng và gọi chồng cùng người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đến ký hợp đồng. Trong thời gian chờ ký hợp đồng, anh L đã kiểm tra xác minh tình trạng mảnh đất, xác định mảnh đất này thực hiện giao dịch cuối cùng vào ngày 14/6/2011, hiện mảnh đất này đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP K,. Ngoài ra, quan sát bằng mắt thường, anh L nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này không phải do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp nên đã thông báo cho Công an phường Q, quận H sự việc nêu trên.

Tại Công an phường Q, Lê Ái Th đã đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của bản thân. Ngày 16/01/2019, Công an phường Q đã chuyển vụ việc đến Cơ quan điều tra Công an quận H để giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng của vụ án đã thu giữ gồm: Thu do anh Nguyễn Văn L giao nộp gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chủ sở hữu Bùi Hữu T, sinh năm 1963, địa chỉ thường trú Thôn N, xã A, huyện H, thành phố H. N mang số BD 836451; 01 chứng minh thư nhân mang số 011176317 mang tên Bùi Hữu T; 01 chứng minh thư nhân dân số 111733490 mang tên Lê Ái Th; 01 sổ hộ khẩu số 241127185 chủ hộ Nguyễn Thị X, thường trú thông N, xã A, huyện H, thành phố H. N; 01 giấy trích lục kết hôn (bản sao) số 38/TKLH-BS của UBND xã A cấp ngày 10/01/2019; 01 phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch có chữ ký của Lê Ái Th; 01 giấy kết quả tra cứu; 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa có chữ ký của người liên quan và dấu của Văn phòng công chứng. Tạm giữ của Lê Ái Th 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu hồng có đeo ốp màu trắng trong, dung lượng 32GB, số imei: 256570082504236, đã qua sử dụng. Tạm giữ của Đào Thị Thanh H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, màu vàng, có số emei: 359755420145975, đã qua sử dụng.

Ngày 17/01/2019, Cơ quan điều tra đã quyết định trưng cầu giám định đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thu giữ.

Tại Kết luận giám định số 1831/KLGĐ-PC09-Đ4 ngày 28/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố H. N kết luận:*"1. Phôi của mẫu cần giám định (Ký hiệu A) là phôi giả.*

2. Hình dấu tròn "UỶ BAN NHÂN DÂN H.H; T.P H. N", chữ ký đứng tên Nguyễn Quang Đức trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A) với hình dấu tròn "UỶ BAN NHÂN DÂN H.H; T.P H. N", chữ ký đứng tên Nguyễn Quang Đ trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M4) không phải do cùng một con dấu đóng ra và không phải là chữ do cùng một người ký ra. Hình dấu cần giám định được tạo ra bằng phương pháp in màu kỹ thuật số.

3. Hình dấu tròn "PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG", chữ ký đứng tên Hồ Trung N trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A) với hình dấu tròn "PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG", chữ ký đứng tên Hồ Trung N trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M5 đến M8) không phải do cùng một con dấu đóng ra và không phải là chữ do cùng một người ký ra. Hình dấu cần giám định được tạo ra bằng phương pháp in màu kỹ thuật số".

Cáo trạng số 193/CT– HS ngày 30/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông đã truy tố bị cáo Lê Ái Th về tội " Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Lê Ái Th từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Về tang vật: đề nghị tịch thu, phát mại sung quỹ nhà

nước 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu hồng có đeo ốp màu trắng trong, dung lượng 32GB, số imei: 256570082504236, đã qua sử dụng thu giữ của Lê Ái Th; Trả lại Đào Thị Thanh H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, màu vàng, có số emei: 359755420145975

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

2} Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, tang vật chứng thu giữ, kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ chứng minh khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ việc cần tiền trả nợ, khoảng 14 giờ ngày 14/01/2019, tại Văn phòng công chứng M ở số .. phố T.., phường Q, quận H, thành phố H. N, Lê Ái Th đã sử dụng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đi làm thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để vay tiền của chị Hường thì bị phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội " Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông truy tố Lê Ái Th theo tội danh, điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi vi phạm nêu trên của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính về tài liệu của nhà nước.

Bị cáo nhận thức rõ việc sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đi công chứng, chứng thực là vi vi phạm pháp luật, nhưng do khó khăn, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Xét việc bị cáo sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đi công chứng là để vay tiền, không có mục đích chiếm đoạt tài sản của chị H – người cho vay tiền, chị Trương Thị Thanh H cũng khai trình bày về việc chị H yêu cầu Th mang tài sản đảm bảo đi công chứng chứng thực mới cho vay tiền. Do vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng với mức độ, hậu quả hành vi phạm tội bị cáo gây ra nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét đến thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã tự giác ra đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, chồng bị cáo mắc bệnh nặng liệt hoàn toàn ½ người trái từ nhiều năm nay; bị cáo là lao động chính trong gia đình, bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, . … Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và xét cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và thực hiện biện pháp đấu tranh phòng ngừa chung.

Do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, chồng bị cáo bị ốm nặng, bị cáo không có thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

3}Đối với đối tượng đã làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Lê Ái Th. Cơ quan điều tra đã tách hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức để tiếp tục điều tra, xác minh nên Tòa không xét.

4}Đối với Đào Thị Thanh H, Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình đặt mua và sử dụng giấy tờ giả đều do Th tự thực hiện, H không tham gia cùng; ngày 14/1/2019 H đi cùng Th đến văn phòng công chứng là do Th rủ H đi cùng. Quá trình điều tra, không chứng minh được H có cùng động cơ phạm tội hay cùng hưởng lợi với Lê Ái Th. Do vậy không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đào Thị H nên Tòa không xét.

5} Đối với anh Bùi Hữu T là chồng của Lê Ái Th hiện đang bị liệt do tai biến mạch máu não, không tham gia quyết định được mọi việc trong gia đình. Việc anh T đi cùng vợ là Lê Ái Th đến văn phòng công chứng là thực hiện theo sự sắp xếp của vợ để ký kết hợp đồng tại văn phòng công chứng. Quá trình điều tra không chứng minh được anh T biết sự việc hoặc có chung động cơ sử dụng giấy tờ giả để công chứng chứng thực. Do vậy không có căn cứ để đề cập xử lý hình sự đối với anh Bùi Hữu T là đúng pháp luật.

6} Về tang vật:

+ Ngày 01/10/2019 cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại bị cáo Lê Ái Th: 01 chứng minh thư nhân mang số 011176317 mang tên Bùi Hữu T; 01 chứng minh thư nhân dân số 111733490 mang tên Lê Ái Th; 01 sổ hộ khẩu số 241127185 chủ hộ Nguyễn Thị X, thường trú thôn N, xã A, huyện H, H. N nên Tòa không xét.

+ 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu hồng có đeo ốp màu trắng trong, dung lượng 32GB, số imei: 256570082504236, đã qua sử dụng thu giữ của Lê Ái Th là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu, phát mại, sung quỹ nhà nước.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, màu vàng, có số emei: 359755420145975, đã qua sử dụng thu giữ của Đào Thị Thanh H là tài sản hợp pháp của chị H, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại chị Đào Thị Thanh H.

+ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chủ sở hữu Bùi Hữu T, sinh năm 1963, địa chỉ thường trú thôn N, xã A, huyện H, thành phố H. N mang số BD 836451 giả; 01 bản sao trích lục kết hôn số 38/TLKH - BS ngày 10/01/2019 do UBND xã A, huyện H, H.N cấp; 01 phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch có chữ ký của Lê Ái Th; 01 giấy kết quả tra cứu; 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa có chữ ký của người liên quan và dấu của Văn phòng công chứng là tài liệu trong hồ sơ vụ án nên lưu hồ sơ vụ án.

7] Về án phí: Bị cáo vi phạm pháp luật phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015

- Căn cứ Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/QH ngày 30/12/2016

1. Tuyên bố Lê Ái Th phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức"

2. Xử phạt Lê Ái Th 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê ÁiTh cho UBND xã A, huyện H, thành phố H. N và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3. Về tang vật:

+ Tịch thu, phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu hồng có đeo ốp màu trắng trong, dung lượng 32GB, số imei: 256570082504236, đã thu giữ của Lê Ái Th (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/11/2019 tại chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông)

+ Trả lại Đào Thị Thanh H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, màu vàng, có số emei: 359755420145975 (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/11/2019 tại chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông)

+ Lưu hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên chủ sở hữu Bùi Hữu T, sinh năm 1963, địa chỉ thường trú N– A – H – H. N mang số BD 836451; 01 bản sao trích lục kết hôn số 38/TLKH - BS ngày 10/01/2019 do UBND xã A, huyện H, H.N cấp; 01 phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch có chữ ký

của Lê Ái Th; 01 giấy kết quả tra cứu; 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa có chữ ký của người liên quan và dấu của Văn phòng công chứng.

4. Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- THA quận Hà Đông;
- CA quận Hà Đông;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiểm